

**BỘ TÀI CHÍNH**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: 792/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**VỀ VIỆC CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

*Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;*

*Căn cứ Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 02 (hai) thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính (*Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số thứ tự 153 Mục II Phần I và số thứ tự 117 Mục III Phần I về “Gia hạn thuế” tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính.

Tổng cục Thuế thực hiện việc nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê Tài chính và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Website Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thuế;
- Lưu: VT, Vụ CST(P2 (10b)).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 792/QĐ-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ Tài chính)*

**PHẦN I:**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục Thuế**

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục Gia hạn nộp thuế	Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất	Quản lý thuế	Cục Thuế

**II. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thuế**

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	Thủ tục Gia hạn nộp thuế	Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất	Quản lý thuế	Chi cục Thuế

*Ghi chú: Sửa đổi, bổ sung 2 thủ tục “Gia hạn nộp thuế” là: Thủ tục số 153 cấp Cục Thuế và Thủ tục số 117 cấp Chi cục Thuế ban hành theo Quyết định số 1500/QĐ-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính.*

## PHẦN II:

### NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

#### A. Thủ tục hành chính cấp Cục Thuế

##### I. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung:

##### 1. Thủ tục gia hạn nộp thuế

###### - Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện được gia hạn nộp thuế lập hồ sơ và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế.

*Người nộp thuế thuộc diện được gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP lập hồ sơ và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ các kỳ của các sắc thuế và tiền thuê đất được gia hạn cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế theo tháng (hoặc theo quý) theo quy định pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất không nộp cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tháng (hoặc theo quý) thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 30 tháng 7 năm 2020.*

+ Bước 2. Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp bằng phương thức điện tử tới Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế, Cổng dịch vụ công quốc gia, việc tiếp nhận, trả thông báo tiếp nhận và xác nhận ngày nộp hồ sơ do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

###### - Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua đường bưu chính;

+ Hoặc gửi bằng phương thức điện tử tới Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ gồm:

++ Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế theo Mẫu số 01/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC (các trường hợp gia hạn tại điểm (a), (b), (c))

++ Tài liệu liên quan theo từng trường hợp cụ thể:

(a) Đối với trường hợp bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ thì phải có:

+++ Biên bản kiểm kê, đánh giá giá trị vật chất thiệt hại do người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế lập;

+++ Văn bản xác nhận về việc người nộp thuế có thiệt hại tại nơi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ và thời gian xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ của một trong các cơ quan, tổ chức sau: cơ quan công an; UBND cấp xã, phường; Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế nơi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc tổ chức cứu hộ, cứu nạn;

+++ Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (bản sao có công chứng hoặc chứng thực nếu có); hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (bản sao có công chứng hoặc chứng thực nếu có). Đối với người nộp thuế là pháp nhân thì các tài liệu nêu trên phải là bản chính hoặc bản sao có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu của đơn vị.

(b) Đối với trường hợp phải ngừng hoạt động do di dời cơ sở sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

+++ Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế;

+++ Đề án di dời, kế hoạch và tiến độ thực hiện di dời của người nộp thuế;

+++ Tài liệu chứng minh người nộp thuế ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó xác định rõ thời điểm bắt đầu ngừng sản xuất kinh doanh, chi phí di dời, thiệt hại do di dời, ngừng sản xuất kinh doanh gây ra (nếu có).

(c) Đối với trường hợp khó khăn đặc biệt khác:

+++ Văn bản của cơ quan thuế quản lý trực tiếp gửi cơ quan thuế cấp trên, trong đó: xác nhận khó khăn đặc biệt và những nguyên nhân gây ra khó khăn đó mà người nộp thuế không có khả năng nộp đúng hạn số tiền thuế nợ theo đề nghị, giải trình của người nộp thuế tại văn bản đề nghị gia hạn;

+++ Bản sao các văn bản về gia hạn, xóa nợ, miễn thuế, giảm thuế đối với người nộp thuế của cơ quan thuế ban hành trong thời gian hai (02) năm trước đó (nếu có);

+++ Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của người nộp thuế khi thực hiện quyết định (nếu có).

*(d) Đối với trường hợp gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP:*

+++ Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**- Thời hạn giải quyết:**

+ 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế quản lý trực tiếp phải thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế hoàn chỉnh hồ sơ (nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định).

+ 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị gia hạn của người nộp thuế, cơ quan thuế ban hành thông báo không chấp thuận việc gia hạn nộp thuế hoặc Quyết định gia hạn nộp thuế.

*Trường hợp gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP: Hồ sơ gửi đến cơ quan Thuế không quy định thời hạn giải quyết.*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Thông báo không chấp nhận gia hạn nộp thuế mẫu số 04/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC;

+ Hoặc Quyết định gia hạn nộp thuế mẫu số 02/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ *Đối với trường hợp gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP: Hồ sơ không có kết quả giải quyết.*

*Trường hợp trong thời gian gia hạn, cơ quan thuế có cơ sở xác định người nộp thuế không thuộc đối tượng gia hạn thì cơ quan thuế có văn bản thông báo cho người nộp thuế về việc dừng gia hạn và người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế, tiền thuê đất và tiền chậm nộp trong khoảng thời gian đã thực hiện gia hạn vào ngân sách nhà nước.*

**- Lệ phí:** Không có.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế theo Mẫu số 01/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ *Đối với trường hợp gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP: Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất ban hành kèm theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP*

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ *Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất.*

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 ngày 2 tháng 2 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31 ngày 3 tháng 2 năm 2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.

## **B. Thủ tục hành chính cấp Chi cục Thuế**

### **I. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung:**

## 1. Thủ tục gia hạn nộp thuế

### - Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện được gia hạn nộp thuế lập hồ sơ và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế.

*Người nộp thuế thuộc diện được gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP lập hồ sơ và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ các kỳ của các sắc thuế và tiền thuê đất được gia hạn cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế theo tháng (hoặc theo quý) theo quy định pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất không nộp cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tháng (hoặc theo quý) thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 30 tháng 7 năm 2020.*

+ Bước 2. Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp bằng phương thức điện tử tới Cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế, Cổng dịch vụ công quốc gia, việc tiếp nhận, trả thông báo tiếp nhận và xác nhận ngày nộp hồ sơ do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

### - Cách thức thực hiện:

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua đường bưu chính;

+ Hoặc gửi bằng phương thức điện tử tới Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia.

### - Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ gồm:

++ Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế theo Mẫu số 01/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC (các trường hợp gia hạn tại điểm (a), (b), (c))

++ Tài liệu liên quan theo từng trường hợp cụ thể:



(a) Đối với trường hợp bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ thì phải có:

+++ Biên bản kiểm kê, đánh giá giá trị vật chất thiệt hại do người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế lập;

+++ Văn bản xác nhận về việc người nộp thuế có thiệt hại tại nơi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ và thời gian xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ của một trong các cơ quan, tổ chức sau: cơ quan công an; UBND cấp xã, phường; Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế nơi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc tổ chức cứu hộ, cứu nạn;

+++ Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (bản sao có công chứng hoặc chứng thực nếu có); hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (bản sao có công chứng hoặc chứng thực nếu có). Đối với người nộp thuế là pháp nhân thì các tài liệu nêu trên phải là bản chính hoặc bản sao có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu của đơn vị.

(b) Đối với trường hợp phải ngừng hoạt động do di dời cơ sở sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

+++ Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế;

+++ Đề án di dời, kế hoạch và tiến độ thực hiện di dời của người nộp thuế;

+++ Tài liệu chứng minh người nộp thuế ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó xác định rõ thời điểm bắt đầu ngừng sản xuất kinh doanh, chi phí di dời, thiệt hại do di dời, ngừng sản xuất kinh doanh gây ra (nếu có).

(c) Đối với trường hợp khó khăn đặc biệt khác:

+++ Văn bản của cơ quan thuế quản lý trực tiếp gửi cơ quan thuế cấp trên, trong đó: xác nhận khó khăn đặc biệt và những nguyên nhân gây ra khó khăn đó mà người nộp thuế không có khả năng nộp đúng hạn số tiền thuế nợ theo đề nghị, giải trình của người nộp thuế tại văn bản đề nghị gia hạn;

+++ Bản sao các văn bản về gia hạn, xóa nợ, miễn thuế, giảm thuế đối với người nộp thuế của cơ quan thuế ban hành trong thời gian hai (02) năm trước đó (nếu có);

+++ Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của người nộp thuế khi thực hiện quyết định (nếu có).

(d) Đối với trường hợp gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP:

+++ Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP.

+ Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**- Thời hạn giải quyết:**

+ 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế quản lý trực tiếp phải thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế hoàn chỉnh hồ sơ (nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định).

+ 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị gia hạn của người nộp thuế, cơ quan thuế ban hành thông báo không chấp thuận việc gia hạn nộp thuế hoặc Quyết định gia hạn nộp thuế.

*Trường hợp gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP: Hồ sơ gửi đến cơ quan Thuế không quy định thời hạn giải quyết.*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Thuế /Chi cục Thuế khu vực.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Thông báo không chấp nhận gia hạn nộp thuế mẫu số 04/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC;

+ Hoặc Quyết định gia hạn nộp thuế mẫu số 02/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

*+ Đối với trường hợp gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP: Hồ sơ không có kết quả giải quyết.*

*Trường hợp trong thời gian gia hạn, cơ quan thuế có cơ sở xác định người nộp thuế không thuộc đối tượng gia hạn thì cơ quan thuế có văn bản thông báo cho người nộp thuế về việc dừng gia hạn và người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế, tiền thuê đất và tiền chậm nộp trong khoảng thời gian đã thực hiện gia hạn vào ngân sách nhà nước.*

**- Lệ phí:** Không có.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế theo Mẫu số 01/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

*+ Đối với trường hợp gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP: Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất ban hành kèm theo Nghị định số 41/2020/NĐ-CP.*

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

*Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.*

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ *Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất.*

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 ngày 2 tháng 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31 ngày 3 tháng 2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

**- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm.**